

KẾT QUẢ KỲ KIỂM TRA CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH TRÌNH ĐỘ B

NGÀY KIỂM TRA: 26/8/2018

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
1	TAB01	Bùi Văn	Anh	15/10/1996	Mậu Đông - Văn Yên - Yên Bái	5,0	5,0	3,0	7,0	5,0	Trung bình	
2	TAB02	Phạm Thị Phương	Anh	22/7/1997	Tiền An - TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh	6,0	5,0	5,0	7,0	5,8	Trung bình	
3	TAB03	Lâm Văn	Bảo	10/5/1980	Tân Quang - Lục Ngạn - Bắc Giang	7,5	4,5	6,0	3,0	5,3	Trung bình	
4	TAB04	Đỗ Thị	Bắc	10/9/1972	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	7,5	6,5	7,0	3,0	6,0	Trung bình	
5	TAB05	Chu Minh	Bích	01/01/1995	Trung Mỹ - Bình Xuyên - Vĩnh Phúc	8,0	6,5	5,0	8,0	6,9	Trung bình	
6	TAB06	Chu Thị	Bích	02/10/1993	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	8,0	7,5	7,5	6,0	7,3	Khá	
7	TAB07	Hoàng Ngọc	Cao	01/02/1962	Minh Nghĩa - Nông Công - Thanh Hóa	-	-	-	-	-	-	Bỏ thi
8	TAB08	Nguyễn Văn	Chung	23/9/1973	Tam Di - Lục Nam - Bắc Giang	8,5	5,0	5,5	3,0	5,5	Trung bình	
9	TAB09	Nguyễn Văn	Công	10/11/1991	Quang Châu - Việt Yên - Bắc Giang	6,5	6,0	5,0	3,0	5,1	Trung bình	
10	TAB10	Chu Bá	Cường	29/5/1971	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	5,0	7,0	6,0	6,3	Trung bình	
11	TAB11	Nguyễn Thanh	Cường	14/11/1986	Tân Đình - Lạng Giang - Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	bảo lưu
12	TAB12	Nguyễn Tiến	Cường	01/11/1995	Đức Thuận - Hồng Lĩnh - Hà Tĩnh	3,0	6,5	3,0	5,0	4,4	Không đạt	
13	TAB13	Triệu Thị	Diệu	07/11/1994	An Dương - Tân Yên - Bắc Giang	7,5	7,5	5,0	6,0	6,5	Trung bình	
14	TAB14	Nguyễn Thị	Doanh	26/6/1975	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	7,5	6,5	7,0	3,0	6,0	Trung bình	
15	TAB15	Trần Đăng	Dũng	12/01/1986	Nhân Hòa - Quế Võ - Bắc Ninh	7,5	5,5	7,0	3,0	5,8	Trung bình	
16	TAB16	Vũ Trọng	Dũng	07/02/1968	Phồn Xương - Yên Thế - Bắc Giang	8,0	3,5	6,0	3,0	5,1	Trung bình	
17	TAB17	Đào Văn	Dự	17/5/1977	Tân Đình - Lạng Giang - Bắc Giang	7,5	5,5	6,5	3,0	5,6	Trung bình	
18	TAB18	Nguyễn Văn	Dương	28/5/1991	Quất Lâm - Giao Thủy - Nam Định	3,0	5,0	5,0	7,0	5,0	Trung bình	
19	TAB19	Trần Huy	Dương	20/6/1972	Tân Quang - Lục Ngạn - Bắc Giang	7,0	5,0	6,0	3,0	5,3	Trung bình	
20	TAB20	Lê Thành	Đạt	08/12/1996	Đồng Lương - Cẩm Khê - Phú Thọ	7,0	3,0	6,0	6,0	5,5	Trung bình	
21	TAB20A	Ngô Khắc Thành	Đạt	12/1/1996	Trường Giang - Nông Công - Thanh Hoá	7,5	7,5	6,0	7,0	7,0	Khá	
22	TAB20B	Lê Công	Hiệp	20/4/1981	Bích Động - Việt Yên - Bắc Giang	7,5	5,5	7,5	3,0	5,9	Trung bình	
23	TAB20C	Đỗ Việt	Hung	17/5/1997	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	bảo lưu
24	TAB20D	Đỗ Thị Lan	Hương	28/5/1991	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	8,0	4,5	6,0	4,0	5,6	Trung bình	
25	TAB20E	Trương Thị Diệu	Thúy	22/9/1989	Bắc Lý - Hiệp Hoà - Bắc Giang	8,0	7,0	7,5	6,0	7,1	Khá	
26	TAB20F	Nguyễn Thị Thu	Trang	08/12/1996	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	bảo lưu
27	TAB21	Trần Bá	Điệp	08/6/1981	Tân Quang - Lục Ngạn - Bắc Giang	7,0	4,0	6,5	5,0	5,6	Trung bình	
28	TAB22	Lương Văn	Đĩnh	07/4/1967	Lạng Giang - Bắc Giang	7,0	3,0	6,0	5,0	5,3	Trung bình	
29	TAB23	Nguyễn Tiến	Đô	12/9/1996	Gia Bình - Bắc Ninh	8,0	4,5	5,5	4,0	5,5	Trung bình	
30	TAB24	Nguyễn Thị Hương	Giang	27/12/1993	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	7,5	7,0	7,0	7,1	Khá	
31	TAB25	Trần Văn	Hành	14/5/1968	Giáp Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	6,5	3,5	5,5	5,0	5,1	Trung bình	
32	TAB26	Thân Ngọc	Hạnh	08/11/1997	Hồng Thái - Việt Yên - Bắc Giang	8,0	5,0	7,0	5,0	6,3	Trung bình	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
33	TAB27	Lê Thị Thúy	Hằng	15/8/1976	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	6,0	5,5	4,5	5,0	5,3	Trung bình	
34	TAB28	Diêm Công	Hiền	18/10/1996	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	3,5	0,0	1,5	5,0	2,5	Không đạt	
35	TAB29	Tổng Thị Thu	Hiền	16/8/1994	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	7,0	6,5	6,0	6,6	Trung bình	
36	TAB30	Nguyễn Chí	Hiếu	02/7/1980	Hoàng Lương - Hiệp Hòa - Bắc Giang	8,0	4,0	6,0	5,0	5,8	Trung bình	
37	TAB31	Nguyễn Thị	Hoa	19/10/1973	Mỹ Thái - Lạng Giang - Bắc Giang	7,5	4,5	6,0	5,0	5,8	Trung bình	
38	TAB32	Điều Thị	Hòa	01/01/1976	Tự Lạn - Việt Yên - Bắc Giang	7,5	7,5	6,0	4,0	6,3	Trung bình	
39	TAB33	Giáp Thị	Hồng	05/10/1975	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	4,5	5,0	4,0	5,1	Trung bình	
40	TAB34	Hoàng Thị	Hồng	12/12/1996	Yên Bình - Quang Bình - Hà Giang	5,0	5,5	7,0	6,0	5,9	Trung bình	
41	TAB35	Mê Thị	Huệ	10/9/1995	Thanh Hải - Lục Ngạn - Bắc Giang	4,0	5,5	6,0	6,0	5,4	Trung bình	
42	TAB36	Lê Duy	Huy	29/11/1996	Chũ - Lục Ngạn - Bắc Giang	7,5	5,0	6,0	6,0	6,1	Trung bình	
43	TAB37	Hoàng Thị	Huyền	10/8/1995	Phúc Hòa - Tân Yên - Bắc Giang	8,0	6,5	8,0	6,0	7,1	Khá	
44	TAB38	Nguyễn Thị	Hương	02/9/1986	Tân Thịnh - Lạng Giang - Bắc Giang	7,0	4,0	6,5	5,0	5,6	Trung bình	
45	TAB39	Nguyễn Văn	Hương	05/11/1979	Xuân Hương - Lạng Giang - Bắc Giang	7,5	4,5	7,5	4,0	5,9	Trung bình	
46	TAB40	Ngô Đức	Khánh	19/4/1974	Tân Thanh - Lạng Giang - Bắc Giang	8,5	4,5	7,0	4,0	6,0	Trung bình	
47	TAB41	Trần Thế	Khoa	28/5/1971	Lý Nhân - Hà Nam	8,0	4,0	6,0	5,0	5,8	Trung bình	
48	TAB42	La Xuân	Khôi	3/12/1980	Tân Quang - Lục Ngạn - Bắc Giang	8,0	6,0	6,5	4,0	6,1	Trung bình	
49	TAB43	Quách Thị	Lan	06/8/1996	Hạ Bì - Kim Bôi - Hòa Bình	4,0	0,0	3,0	4,0	2,8	Không đạt	
50	TAB44	Nguyễn Thanh	Liêm	15/01/1981	Hoàng Đan - Tam Dương - Vĩnh Phúc	7,5	6,0	6,5	4,0	6,0	Trung bình	
51	TAB45	Hoàng Thị Kim	Liên	07/10/1996	Tân Hoa - Lục Ngạn - Bắc Giang	8,0	6,5	7,0	5,0	6,6	Trung bình	
52	TAB46	Nguyễn Minh	Long	02/10/1982	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	8,5	4,0	6,5	6,0	6,3	Trung bình	
53	TAB47	Trịnh Xuân	Long	25/01/1996	Phù Đồng - Gia Lâm - Hà Nội	5,0	1,5	2,0	6,0	3,6	Không đạt	
54	TAB48	Ngô Minh	Lộng	17/5/1974	Phượng Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	8,0	6,0	7,0	4,0	6,3	Trung bình	
55	TAB49	Ngô Văn	Lợi	25/6/1982	An Lạc - Sơn Động - Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	bảo lưu
56	TAB50	Hoàng Thị	Luyến	17/7/1985	An Lạc - Sơn Động - Bắc Giang	6,5	4,5	6,0	5,0	5,5	Trung bình	
57	TAB51	Phan Tuấn	Lưu	17/9/1997	Hoàng Hải - Quảng Uyên - Cao Bằng	7,0	5,5	7,0	4,0	5,9	Trung bình	
58	TAB52	Tạ Thị	Mai	10/01/1987	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	7,5	5,5	5,0	5,0	5,8	Trung bình	
59	TAB53	Lê Văn	Mạnh	26/10/1996	An Dương - Tân Yên - Bắc Giang	4,0	4,0	5,0	7,0	5,0	Trung bình	
60	TAB54	Trương Anh	Mão	12/01/1975	Đồng Tiến - Yên Phong - Bắc Ninh	7,5	6,0	6,5	5,0	6,3	Trung bình	
61	TAB55	Trần Văn	Minh	01/8/1969	Hồng Giang - Lục Ngạn - Bắc Giang	7,0	6,5	7,0	5,0	6,4	Trung bình	
62	TAB56	Lương Văn	Mùi	30/11/1981	Phúc Hòa - Tân Yên - Bắc Giang	8,0	4,5	7,0	4,0	5,9	Trung bình	
63	TAB57	Vì Thị	Nga	09/01/1996	Sơn Động - Bắc Giang	8,0	6,5	6,5	5,0	6,5	Trung bình	
64	TAB58	Mạc Văn	Nghị	10/02/1976	Lạng Giang - Bắc Giang	7,0	5,5	5,5	4,0	5,5	Trung bình	
65	TAB59	Ngô Thị	Ngọc	30/4/1975	Hương Mai - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	8,0	6,0	5,0	6,5	Trung bình	
66	TAB60	Nguyễn Thị	Nguyệt	20/10/1975	Nghĩa Hồ - Lục Ngạn - Bắc Giang	8,0	6,5	6,5	5,0	6,5	Trung bình	
67	TAB61	Đào Thị	Nhã	18/8/1970	Mình Đức - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	6,5	5,0	6,0	6,1	Trung bình	
68	TAB62	Nguyễn Thị	Nhị	10/8/1969	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	6,5	4,5	5,0	5,0	5,3	Trung bình	
69	TAB63	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	12/9/1991	Bích Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	8,0	6,5	7,0	8,0	7,4	Khá	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
70	TAB64	Hán Văn	Ninh	30/8/1980	Lạng Giang - Bắc Giang	7,0	6,0	7,0	4,0	6,0	Trung bình	
71	TAB65	Hoàng Văn	Oanh	25/6/1966	Tân Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	7,5	4,5	6,0	4,0	5,5	Trung bình	
72	TAB66	Nguyễn Thị	Phượng	17/02/1993	Tiên Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	4,5	7,0	5,0	5,9	Trung bình	
73	TAB67	Đoàn Vinh	Quang	20/02/1996	Bình Sơn - Lục Nam - Bắc Giang	6,5	4,5	6,0	6,0	5,8	Trung bình	
74	TAB68	Nguyễn Trung	Quang	16/3/1995	Việt Yên - Bắc Giang	8,0	5,5	6,5	6,0	6,5	Trung bình	
75	TAB69	Ngô Quang	Quảng	05/8/1964	Dương Đức - Lạng Giang - Bắc Giang	8,0	4,5	6,5	3,0	5,5	Trung bình	
76	TAB70	Thân Mạnh	Quỳnh	22/11/1975	Mình Đức - Việt Yên - Bắc Giang	8,0	7,5	8,0	6,0	7,4	Khá	
77	TAB71	Vũ Đình	Sênh	3/11/1972	Thanh Hải - Lục Ngạn - Bắc Giang	6,5	5,0	7,0	4,0	5,6	Trung bình	
78	TAB72	Đỗ Văn	Tám	15/8/1972	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	8,0	5,5	7,5	7,0	7,0	Trung bình	
79	TAB73	Giáp Văn	Tám	20/4/1979	Việt Tiến - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	3,5	7,0	5,0	5,6	Trung bình	
80	TAB74	Hoàng Thị Hồng	Thái	22/11/1977	Ninh Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	bảo lưu
81	TAB75	Nguyễn Thị	Thái	04/7/1993	Quang Châu - Việt Yên - Bắc Giang	8,5	6,5	7,0	7,0	7,3	Khá	
82	TAB76	Tạ Văn	Thái	07/01/1978	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	7,5	4,0	6,0	5,0	5,6	Trung bình	
83	TAB77	Thân Thị	Thanh	21/10/1988	Ngọc Thiện - Tân Yên - Bắc Giang	8,0	4,5	7,0	5,0	6,1	Trung bình	
84	TAB78	Nguyễn Thị	Thảo	29/5/1995	Song Vân - Tân Yên - Bắc Giang	-	-	-	-	-	-	bảo lưu
85	TAB79	Ngọc Văn	Thắng	30/12/1983	An Lập - Sơn Động - Bắc Giang	8,5	6,5	7,0	6,0	7,0	Khá	
86	TAB80	Vũ Mạnh	Thắng	21/02/1996	Neo - Yên Dũng - Bắc Giang	6,0	4,5	4,0	6,0	5,1	Trung bình	
87	TAB81	Nguyễn Thái	Thịnh	15/4/1977	Lạng Giang - Bắc Giang	8,5	6,0	5,0	4,0	5,9	Trung bình	
88	TAB82	Đoàn Thị	Thu	27/3/1971	Trung Sơn - Việt Yên - Bắc Giang	8,0	5,0	6,0	3,0	5,5	Trung bình	
89	TAB83	Hoàng Thị	Thu	08/6/1994	Đề Thám - Trảng Định - Lạng Sơn	8,5	4,0	8,0	5,0	6,4	Trung bình	
90	TAB84	Nguyễn Thị	Thuần	23/3/1973	Hoàng Ninh - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	5,0	6,5	3,0	5,4	Trung bình	
91	TAB85	Lê Anh	Tiếp	17/8/1966	Cầm Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	9,0	3,5	5,5	3,0	5,3	Trung bình	
92	TAB86	Nguyễn Thị	Tính	10/9/1992	Thượng Lan - Việt Yên - Bắc Giang	7,0	6,0	7,0	6,0	6,5	Trung bình	
93	TAB87	Nguyễn Văn	Toan	14/10/1974	Dương Đức - Lạng Giang - Bắc Giang	6,5	6,5	7,0	4,0	6,0	Trung bình	
94	TAB88	Quách Tất	Toàn	06/10/1996	Chi Nê - Lạc Thủy - Hòa Bình	4,0	0,5	4,0	5,0	3,4	Không đạt	
95	TAB89	Huỳnh Phan Hương	Trà	11/5/1997	Ninh Xá - TP.Bắc Ninh - Bắc Ninh	4,0	2,0	2,5	5,0	3,4	Không đạt	
96	TAB90	Hoàng Lê	Trinh	25/10/1993	Quang Châu - Việt Yên - Bắc Giang	8,0	5,5	8,0	5,0	6,6	Trung bình	
97	TAB91	Phùng Thị Hồng	Trúc	07/01/1996	Liệp Tuyết - Quốc Oai - Hà Nội	4,0	4,5	1,5	7,0	4,3	Không đạt	
98	TAB92	Dương Xuân	Trường	24/10/1978	Tân Quang - Lục Ngạn - Bắc Giang	7,5	5,5	7,0	4,0	6,0	Trung bình	
99	TAB93	Ngô Xuân	Trường	30/01/1988	Mình Đức - Việt Yên - Bắc Giang	6,5	6,5	7,5	5,0	6,4	Trung bình	
100	TAB94	Hoàng Minh	Tú	30/9/1996	Vinh Quang - Chiêm Hóa - Tuyên Quang	6,5	3,5	7,0	7,0	6,0	Trung bình	
101	TAB95	Lê Công	Tuấn	02/7/1996	Đăk R'La - Đăk Mĩl - Đăk Lăk	4,0	3,5	3,5	5,0	4,0	Không đạt	
102	TAB96	Ngô Văn	Tuấn	17/5/1968	Đào Mỹ - Lạng Giang - Bắc Giang	8,5	6,0	7,0	4,0	6,4	Trung bình	
103	TAB97	Nguyễn Ngọc	Tuấn	06/7/1996	Chũ - Lục Ngạn - Bắc Giang	4,5	3,0	6,5	6,0	5,0	Trung bình	
104	TAB98	Trần Minh	Tuấn	28/10/1996	Nghĩa Lộ - Yên Bái	4,5	3,0	4,0	6,0	4,4	Không đạt	
105	TAB99	Võ Thanh	Tuấn	14/02/1996	Bình Khê - Đông Triều - Quảng Ninh	4,5	3,0	3,0	5,0	3,9	Không đạt	
106	TAB100	Trần Thanh	Tùng	09/5/1996	Quảng Minh - Việt Yên - Bắc Giang	6,5	3,5	7,5	6,0	5,9	Trung bình	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm đọc	Điểm viết	Điểm nghe	Điểm nói	Điểm TBC	Kết quả xếp loại	Ghi chú
107	TAB101	Lục Kim	Tuyển	25/9/1977	Thanh Hải - Lục Ngạn - Bắc Giang	7,0	5,5	6,0	5,0	5,9	Trung bình	
108	TAB102	Vì Văn	Tư	13/7/1974	Giáp Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang	7,0	4,5	6,0	5,0	5,6	Trung bình	
109	TAB103	Hoàng Tuấn	Vũ	05/01/1996	Đại Đồng - Tràng Định - Lạng Sơn	3,5	0,5	4,0	-	-	Không đạt	Bỏ thi nói
110	TAB104	Phạm Bá	Vui	21/10/1982	Vũ Xá - Lục Nam - Bắc Giang	8,0	5,5	5,5	3,0	5,5	Trung bình	
111	TAB105	Nguyễn Văn	Vượng	19/10/1994	An Thượng - Yên Thế - Bắc Giang	8,0	6,0	7,0	5,0	6,5	Trung bình	
112	TAB106	Hoàng Văn	Xuyên	15/11/1980	Tân Quang - Lục Ngạn - Bắc Giang	8,5	7,0	7,0	6,0	7,1	Khá	

Tổng số thí sinh theo danh sách: **112**

Số thí sinh bảo lưu thi đợt sau: **6**

Số thí sinh bỏ thi: **1**

Số thí sinh bỏ thi nói: **1**

Số thí sinh dự thi: **105**

Số thí sinh không đạt yêu cầu: **11**

Số thí sinh đạt yêu cầu: **94**

Trong đó:

Loại Giỏi **0**

Loại Khá **10** **10,64%**

Loại Trung bình **84** **89,36%**

Chủ tịch hội đồng kiểm tra

(Đã Ký)

ThS. Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 31 tháng 8 năm 2018

Thư ký Hội đồng kiểm tra

(Đã Ký)

ThS. Phan Văn Cường



-

